

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

Mẫu số 52-DS theo NQ số 01/2017/NQ-HĐTP
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2026
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lô Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Trương Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Văn Vận - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10, Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10, Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lô Thị H.** Sinh ngày 02/10/1986.

Trú tại: Xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Bản Đ, xã C, tỉnh Nghệ An.

Số căn cước công dân: 040186024505.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lữ Văn H1.** Sinh ngày 12/11/1982.

Trú tại: Xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An.

Số căn cước công dân: 040082010640.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lô Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng bắt từ năm 2017 hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H1 hay uống rượu và có nhiều lần đánh đập chị H, cuộc sống chung không hoà hợp, không có tiếng nói chung và không hạnh phúc nữa, anh H1 không quan tâm chăm sóc gia đình, không chịu khó tu chí làm ăn, lâu nay chị H không còn tình cảm với anh H1 nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị H và anh H1 là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Lữ Văn T, sinh ngày 09/02/2005 và Lữ Thị Yến T1, sinh ngày 10/10/2012. Ngoài ra chị H không có con riêng và hai người không nhận ai làm con nuôi. Hiện nay cháu T đã trưởng thành và tự làm việc nuôi sống bản thân, còn cháu T1 chưa trưởng thành lâu nay sinh sống với anh H1 nên nếu ly hôn thì chị H đề nghị giao cháu T1 cho anh H1 nuôi dưỡng và chị H sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, do anh H1 không có mặt tham gia giải quyết vụ án, không có bản tự khai, lời khai trình bày ý kiến về việc giao nuôi con chung nên chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đó là nếu ly hôn thì chị H yêu cầu được giao nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Lô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi Giấy triệu tập hợp lệ cho anh H1, mặc dù anh H1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án mà không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã cho biết, chị H và anh H1 chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, lâu nay đã sống ly thân nhau, quá trình chung sống hai người có 02 con chung, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết ly hôn cho hai bên, đồng thời giao nuôi dưỡng con chung theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh H1 theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Lô Thị H và anh Lữ Văn H1 là vợ chồng. Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lữ Văn H1. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên đề nghị không xem xét. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có đăng ký thường trú tại xã T, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lô Thị H và anh Lữ Văn H1 mặc dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng nhưng không có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Lô Thị H và anh Lữ Văn H1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Con chung của chị H và anh H1 là cháu Lữ Văn T hiện nay đã trưởng thành, còn cháu Lữ Thị Yên T1 chưa trưởng thành. Ly hôn chị H yêu cầu được giao nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã không có mặt để tham gia giải quyết vụ án, không có bản tự khai, lời khai trình bày ý kiến về việc giao nuôi con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H1. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nợ chung thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lô Thị H và anh Lữ Văn H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Lữ Thị Yên T1, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Lô Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lữ Văn H1.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lô Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001556 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh N. Chị Lô Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND KV 10; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng GDKT, TT&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS KV 10, Nghệ An;
- UBND xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu văn phòng.

Lô Văn Linh